

Giải bài tập SGK Tiếng Anh 8:

Unit 3: At home

I. Getting started trang 27 SGK Tiếng Anh 8 Unit 3

Write the chores you often do at home. (Viết những công việc lặt vặt em thường làm ở nhà.)

- a. I often do the washing - up. (wash up the dishes.)
- b. I always make my bed.
- c. I usually sweep the floor.
- d. I sometimes help my mother with the cooking.
- e. I usually dust and clean the tables, desks and chairs.
- f. I often feed the chicken and ducks in the morning.

II. Listen and Read trang 27 28 SGK Tiếng Anh 8 Unit 3

Dịch bài hội thoại:

Nam: Chào.

Bà Vui: Nam. Mẹ đây.

Nam: Chào Mẹ.

Bà Vui: Tối nay mẹ về nhà muộn. Mẹ phải đi thăm Bà sau khi làm việc.

Nam: Mấy giờ mẹ về nhà?

Bà Vui: Mẹ sẽ về nhà sau cơm tối. Mẹ xin lỗi, con sẽ phải tự nấu cơm.

Nam: Không có chi.

Bà Vui : Có gạo trong tủ đựng đồ ăn, nhưng con phải tự đi chợ và mua một ít cá và rau cải. Nồi hấp ở bên dưới bồn rửa chén, giữa cái xoong và cái chảo. Nồi nấu cơm ở cạnh bếp.

Nam: Vâng. Cho con gửi lời thăm Bà.

Bà Vui: Mẹ sẽ nói. Ô, mẹ suýt quên. Con vui lòng điện thoại cho Dì Chi nhé? Yêu cầu Dì gặp mẹ ở nhà của Bà.

Nam: Không có chi. Tạm biệt Mẹ.

Bà Vui: Tạm biệt.

1. Practice the dialogue with a partner. (Hãy thực hành bài đối thoại với một bạn cùng học.)

2. Read the dialogue again. Complete the list of things Nam has to do.

(Đọc lại bài đối thoại. Hoàn chỉnh danh sách những việc Nam phải làm.)

Cook dinner (Nấu cơm tối)

Nam's mother has to visit his grandma and will be home late. So he has to do these things himself.

- First he has to go to market and buy some fish and vegetables.

- Then he has to cook the dinner.

- Finally he has to call Aunt Chi to meet his mother at his grandma's house.

cook dinner go to market.

buy some fish and vegetables

call Aunt Chi to meet his mother at grandma's

III. Speak trang 29 30 SGK Tiếng Anh 8 Unit 3

**1. Look at the picture. Work with a partner. Talk about the position of each item.
(Nhìn hình. Thực hành với một bạn cùng học. Nói vị trí của mỗi vật.)**

- a. The fruit is in a bowl between the rice cooker and the dishrack.
- b. The plate is on the kitchen table.
- c. A vase of flowers is on the table.
- d. The pan and saucepans are above the electric cooker.
- e. The kitchen table with four chairs are in the middle of the kitchen.
- f. The kitchen towel is above the sink.
- g. The fridge is inside the door.
- h. The cupboard is on the wall above the dishrack.
- i. There's a knife rack under the cupboard.
- j. A lighting fixture is above the kitchen table.
- k. There's a clock above the fridge.

2. Mrs Vui bought new furniture for her living-room, but she cannot decide where to put it. Work with a partner and arrange the furniture. You must reach an agreement. (Bà Vui mua đồ đạc mới cho phòng khách, nhưng bà không thể quyết

định để ở đâu. Hãy làm việc với một bạn cùng học sắp xếp các đồ đạc. Các em phải đạt được sự đồng ý.)

rug armchair cushion coffee table picture stereo

TV clock lamp couch shelves magazines

A. Let's put the couch opposite the armchairs.

B. OK. And I think we ought to put the rug between the armchairs and the couch.

A. Yes. I think there they go. And the chair is near the coffee table, too

B. That's right. And the cushions are on the couch.

A. Okay. Where does the TV go?

B. In the widest part of the shelf.

A. OK. I think the clock is on the right of the picture.

B. Where do you want the bookshelf?

A. I think it's on the left of the couch.

B. OK. And the magazines are under the coffee table.

A. Yes. There they go.

B. How about the lamp?

A. Just put the lamp on the shelf. And where do the telephone and the stereo go?

Oh. Let's put the telephone on the stool and the stereo on the shelf.

IV. Listen trang 30 SGK Tiếng Anh 8 Unit 3

Look at the pictures. Check the right item. (Hãy nhìn các hình. Ghi dấu những vật đúng.)

a. special Chinese fried rice.

b. frying pan

c. garlic and green pepper

d. ham and peas

V. Read trang 31 32 SGK Tiếng Anh 8 Unit 3

Mẹ của Lan, Bà Quyên, đang ở trung tâm cộng đồng địa phương. Bà đang đọc một trong các bích chương trên tường.

Đề Phòng An Toàn Ở Gia Đình

- Các bạn phải để tất cả hóa chất và thuốc trong tủ có khóa. Trẻ con có thể uống hoặc ăn các vật này vì chúng trông giống nước ngọt hoặc kẹo.

- Các bạn không được để trẻ con chơi trong bếp. Bếp là nơi nguy hiểm.

- Các bạn phải bảo đảm trẻ con không được chơi với diêm quẹt. Mỗi năm, các đám cháy tiêu hủy nhiều gia đình và gây thương tích cho trẻ con vì một người nào đó chơi với diêm quẹt. Hãy nhớ chỉ cần một cây diêm quẹt có thể gây ra cuộc hỏa hoạn.

- Các bạn phải đậy các ổ điện để trẻ con không cố để vật gì vào chúng. Điện có thể giết người.

- Các bạn phải để tất cả vật nguy hiểm ngoài tầm tay trẻ con. Những vật này gồm kéo, dao, và những vật nhỏ như các vật tròn nhỏ.

1. Answer. (Trả lời.)

True or false? Check (y) the boxes. Correct the false sentences. (Đúng hay sai? Ghi dấu đúng (S) vào các khung và sửa các câu sai.)

T F

A. It is safe to leave medicine around the house. x

B. Drugs can look like candy. ✓

C. A kitchen is a suitable place to play. x

D. Playing with one match cannot start a fire. x

E. Putting a knife into an electrical socket is dangerous. ✓

F. Young children do not understand that many

household objects are dangerous. ✓

-> A. It is safe to keep medicine in locked cupboards,

-> C. A kitchen is a dangerous place to play.

-> D. Playing with one match can cause a fire.

2. Ask and answer. (Hỏi và trả lời.)

- Why must we put all chemicals and drugs in locked cupboards. Because children often try to eat and drink them.

- Why mustn't we let children play in the kitchen?

Because the kitchen is a dangerous place.

- Why mustn't children play with matches?

Because matches can cause Fires.

- Why must we cover electric sockets?

Because children can put something in them.

- Why do we have to put all dangerous objects out of children's reach? Because these things can hurt and injure them or even kill them.

VI. Write trang 32 33 SGK Tiếng Anh 8 Unit 3

1. Read the description of Hoa's room. (Đọc bài mô tả phòng của Hoa) Đây là phòng ngủ của Hoa. Giữa phòng là giường ngủ với một đồng hồ phía trên. Có một bàn viết với một ghế dựa bên trái phòng. Trên bàn viết có vài cuốn sách, và phía trên bàn viết có một kệ sách. Phía bên phải phòng có một cửa sổ. Có một tủ quần áo bên cạnh cửa sổ. Tủ quần áo đối diện bàn viết.

2. Now write a description of this kitchen. (Bây giờ hãy viết bài mô tả nhà bếp này.)

This is Hoa's kitchen. There's a refrigerator in the right corner of the room. Next to the refrigerator there is a cooker and an oven. On the other side of the oven is a sink and next to the sink there is a towel rack. A dishrack on the counter is to the right of the window and beneath the shelves. On the shelves and on the counter beneath the window there are jars of sugar, flour and tea. In the middle of the kitchen there are the table with four chairs. A lighting fixture is above the table, and beneath the light fixture is a vase with flowers.

3. Write a description of a room in your house or your classroom. Refer to the above paragraph. Viết bài mô tả một căn phòng ở nhà em hay lớp học của em. Tham khảo đoạn văn trên.

The living-room in my house is small. In front of the window on the left there are a sofa and two armchairs with a small coffee table. On the coffee table there is always a vase of

flowers. On the small table beside the sofa there is a telephone. In the right corner of the room there is a television set. Against the wall opposite the door is the altar of my ancestors. On the wall opposite the sofa there is an electronic clock below the photo of my father and mother. You see my living-room is very simple, isn't it?

VII. Language focus trang 34 37 SGK Tiếng Anh 8 Unit 3

1. Look at the pictures. Complete the dialogue. Use must or have to and verbs in the box. Hãy nhìn tranh và hoàn thành hội thoại sau, sử dụng must hoặc have to và động từ trong khung.

Đáp án

1 - must/ have to tidy; 2 - must/ have to dust;

3 - must/ have to sweep; 4 - must/ have to clean;

5 - must/ have to empty; 6 - must/ have to feed;

Hướng dẫn dịch

Nga: Bạn có thể đến xem phim không Lan?

Lan: Không. Mình phải làm công việc nhà.

Nga: Bạn phải làm gì?

Lan: Mình phải dọn dẹp phòng ngủ của mình. Sau đó, mình phải hút bụi phòng khách và quét sàn nhà bếp nữa.

Nga: Việc đó sẽ không mất nhiều thời gian đâu. Còn gì nữa không?

Lan: Mình phải lau chùi bể cá và sau đó mình phải đổ rác. Cuối cùng, mình phải cho chó ăn.

Nga: OK. Hãy bắt đầu nào. Sau đó chúng ta có thể đi ra ngoài.

2. Look at the pictures. Use ought to to give advice to these people. Em hãy nhìn tranh rồi dùng ought to để khuyên những người này.

Đáp án

- a. You ought to study harder.
- b. You ought to get up earlier.
- c. You ought to go on a diet./ You ought to eat more fruit.
- d. You ought to go to a dentist.

Hướng dẫn dịch

- a. Bạn nên học chăm chỉ hơn.
- b. Bạn nên dậy sớm hơn.
- c. Bạn nên ăn kiêng.
- d. Bạn nên ăn nhiều trái cây hơn.
- e. Bạn nên đi gặp nha sĩ.

3. Complete the dialogues. Use the reflexive pronouns in the box. You will have to use some of the reflexive pronouns more than once. Em hãy hoàn thành các hội thoại sau, dùng các đại từ phản thân cho ở trong khung. Em sẽ phải dùng một vài đại từ phản thân nhiều hơn một lần.

Đáp án

1 - ourselves; 2 - myself;

3 - yourself; 4 - himself; 5 - herself;

6 - themselves; 7 - yourselves;

4. Work with a partner. Ask and answer questions about Hoa, Nam, Ha, Nga, and Mrs. Vui using Why -Because. Em hãy cùng bạn em hỏi và trả lời câu hỏi về Hoa, Nam, Hà và Nga, dùng Why - Because.

Hướng dẫn giải

a. Why did Hoa go to school late this morning?

=> Because she watched TV late last night.

b. Why does Nam have to cook dinner?

=> Because his mother will be home late.

c. Why does Mrs. Vui/ Nam's Mom come home late?

=> Because she has to come to see her mother. Maybe she's ill.

d. Why did Hoa fail her English exam?

=> Because she didn't learn her lesson carefully.

e. Why can't Nga go to the movies?

=> Because she has to clean the house.